TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

2. Ông Ngô Văn Sung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Êm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng X, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 31, tổ 1, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị X, có mặt tại phiên tòa, ,anh Q và bà M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày13/3/2019, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng X trình bày: Chị và anh Q cưới nhau vào năm 2010, không nhớ ngày tháng, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận không có mâu thuẫn. Sau đó thì vợ chồng có cải nhau rất nhiều và anh Q có đánh chị nhiều lần, làm chị bị thương tích như bầm mắt, sưng tay, bầm mặt nhưng chị không có báo với Công an, tự chị uống thuốc điều trị. Đến khoảng giữa năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Q có quan hệ với người khác, chị không trực tiếp thấy anh Q quan hệ bất chính với người khác mà chỉ thông qua tin nhắn điện thoại. Sau khi chị nhận thấy tin nhắn thì vợ chồng về nhà nói chuyện với nhau việc này và anh Q đã thừa nhận là có việc này và vợ chồng có cải nhau nhưng anh Q không xin lỗi chị. Sau đó thì vợ chồng vẫn sống với nhau bình thường, nhưng cảm thấy tình cảm không còn hạnh phúc như trước. Từ ngày đó về sau thì vợ chồng cũng thường xuyên cự cải nhau, anh Q có đánh chị vài lần nhưng nhẹ không gây thương tích cho chị. Ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Thời gian gần đây chị X muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Q vẫn nhậu say về đánh chị nên chị quyết tâm ly hôn với anh Q vì không còn hạnh phúc. Nay chị Lê Thị Hồng X yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn Q do tình cảm không còn. Về con chung: Trong thời gian sống chung với anh Đoàn Văn Q, có 01 con chung tên Đoàn Lê Ngọc T, sinh ngày 27/5/2011, đang sống cùng chị X, chị yêu cầu được nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đơng sự ngày 09/4/2019, bị đơn anh Đoàn Văn Q trình bày: Anh và chị X cưới nhau hơn 10 năm nhưng không nhớ ngày tháng năm nào, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận không có mâu thuẫn. Đến ngày 10 tháng 01 năm 2019 âm lịch thì tự nhiên vợ anh đòi bỏ đi nên anh tức giận đã bỏ đi qua nhà cô anh 10 ngày rồi anh quay về, trước khi quay về thì anh có đi nhậu với bạn bè rồi mới về. Khi về đến phòng thì vợ anh kêu anh gọi Đoàn Văn T, sinh năm 1991 là em ruột của anh sang để lấy lại tiền mà anh T đã mượn của vợ chồng, số tiền là 3.000.000 đồng, khoảng 15 phút sau Tấn qua, khi qua T có rượu trong người và nói chuyện qua lại với vợ anh, sau đó T chửi vợ anh, khi đó anh đang đứng tại chỗ T và vợ anh cải nhau và anh đã can ra nên không còn cải nhau nữa. Ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Sau khi sự việc xảy ra vợ anh tự ý bỏ đi nơi khác không còn sống chung với anh đến nay. Sau khi không còn chung sống, anh có gặp vợ để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay chị Lê Thị Hồng X yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương vợ con. Về con chung: Trong thời gian sống chung với chị Lê Thị Hồng X, có 01 con chung tên Đoàn Lê Ngọc T, sinh ngày

27/5/2011, đang sống cùng chị X, nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Về tình cảm: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng X; Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Lê Ngọc T, sinh ngày 27/5/2011 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị X tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bị đơn Đoàn Văn Q vắng mặt lần thứ hai nhưng không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người làm chứng Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng việc vắng mặt của bà M không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Hồng X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn Q. Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q cư trú tại ấp T, xã A, huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng X và anh Đoàn Văn Q cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03/02/2012 phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy anh Đoàn Văn Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị Hồng X, nhưng khi Tòa án mời anh Q về hòa giải đoàn tụ cho anh chị thì anh Q vắng mặt, điều này thể hiện việc anh Q không còn tình cảm đối với chị X và không muốn đoàn tụ lại với chị X. Mặc khác, Chị X trình bày anh Q đã nhiều lần đánh chị nhưng chị không có báo với chính quyền địa phương và phù hợp với lời trình bày của mẹ anh Q là bà Nguyễn Thị M theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 09 tháng 4 năm 2019, đây là hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân giữa chị X và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy lời trình bày của chị X có cơ sở chấp nhận. Từ các phân tích trên đã có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng X.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng X và anh Đoàn Văn Q đều thống nhất có 01 con chung tên Đoàn Lê Ngọc T, sinh ngày 27/5/2011 (Đang sống với chị X), chị X yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng, anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Để có cơ

sở xem xét về quyền nuôi con nên Tòa án đã yêu cầu chị X và anh Q cung cấp chứng cứ để chứng minh về khả năng nuôi con tốt hơn thì chị X và anh Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án theo thông báo của Tòa án. Con chung đã sinh sống cùng chị X với thời gian từ khi sinh ra đến nay, nên cháu đã quen thuộc với môi trường sinh sống hiện tại, cuộc sống của cháu T vẫn bình thường như bao đứa trẻ khác. Vì vậy, không cần thay đổi môi trường sinh sống của cháu sẽ ảnh hưởng không tốt đến đời sống của cháu T. Ngoài ra, nguyện vọng của cháu T muốn sống cùng mẹ khi anh chị ly hôn được thể hiện tại tờ tường trình của Đoàn Lê Ngọc T. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Giao con chung tên Đoàn Lê Ngọc T, sinh ngày 27/5/2011 cho chị Lê Thị Hồng X được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đoàn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị X tự nguyện không yêu cầu. Anh Đoàn Văn Q không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Hồng X và anh Đoàn Văn Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

2.4. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Hồng X và anh Đoàn Văn Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Chị Lê Thị Hồng X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BG/2015 0004264 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Lê Thị Hồng X không phải nộp thêm.

4.2. Anh Đoàn Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 229, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng X. Cho chị Lê Thị Hồng X ly hôn với anh Đoàn Văn Q.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng X.

Chị Lê Thị Hồng X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Lê Ngọc T, sinh ngày 27/5/2011 (Đang sống cùng chị X), anh Đoàn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị X tự nguyện không yêu cầu. Anh Đoàn Văn Q không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1. Chị Lê Thị Hồng X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BG/2015 0004264 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Lê Thị Hồng X không phải nộp thêm.

3.2. Anh Đoàn Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu câu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dânsự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Lê Chí Thức